

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/DS-PT

Ngày 29 - 6 - 2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy quyết định cá biệt

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4443/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

Bà Phan Thị T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Nhà số 8, ngõ 43, đường Nguyễn T, khối 7, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Bị đơn:***

1 Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954;

2 Bà Trần Thị D, sinh năm 1955;

Cùng trú tại địa chỉ: Nhà số 10, ngõ 43, đường Nguyễn T, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đều có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1 Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ: số 25, đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V (theo văn bản ủy quyền số 461 ngày 17/01/2018); vắng mặt.

2 Ông Phùng Thế P, sinh năm 1942 (chồng bà T);

Trú tại: Nhà số 8, ngõ 43, đường N, khối 7, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà Phan Thị T.

3 Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1987 (con ông M);

Trú tại: Nhà số 10, ngõ 43, đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Văn M (văn bản ủy quyền ngày 24/6/2020).

** Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị D, có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2016 cũng như lời trình tại các lời khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phan Thị T trình bày:

Năm 1996, vợ chồng bà T, ông P nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng Đ1 và bà Nguyễn Thị B thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15, diện tích 217m² tại khối 7, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Phía bên trái (Phía Nam) của thửa đất giáp đất của ông Nguyễn Văn M (lúc này ông M đã xây nhà ở cố định), phía sau (phía Bắc) giáp đất của ông Nguyễn Văn V1, Nguyễn Thị L và có một mương thoát nước từ trên đường N xuống sân bóng của phường. Đến năm 1999, vợ chồng bà T làm nhà ở và đã coi nói xuống sân bóng của phường quản lý. Năm 2004, vợ chồng bà T đã mời Cán bộ địa chính phường và cán bộ Ủy ban nhân dân thành phố V về đo đạc và bà T đã nộp tiền tại kho bạc đối với phần diện tích tăng do lấn chiếm xuống sân bóng của phường nên diện tích đất khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất năm 2004 là 316m².

Năm 2015, ông M làm nhà (sửa ột) cho con trai là anh Nguyễn Quang V sát nhà bà T và đổ nước sang nhà bà T. Lúc đó, bà T có ý kiến yêu cầu ông M làm mương thoát nước nhưng ông M không đồng ý. Đến năm 2016, ông M đã làm sát móng nhà và đập mái nhà bà T. Bà T không đồng ý nên đã đề nghị Ủy ban nhân dân phường hòa giải và mời Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đến để đo đạc. Sau đó, bà T khởi kiện tại Tòa án và căn cứ kết quả đo đạc thì diện tích đất

ông M và bà D lấn chiếm là 05m². Kết quả đo vẽ, thẩm định ngày 13/3/2019 xác định công trình nhà ông M chồng lấn lên phần đất bà T là 6,1m². Do đó, vợ chồng bà T, ông P yêu cầu vợ chồng ông M, bà D phải tháo dỡ công trình xây dựng trả lại diện tích đất lấn chiếm theo kết quả thẩm định, xác định là 6,1m².

Đối với diện tích đất 8,3m² thể hiện trong kết quả đo đạc thì đây là phần đã làm nương của 06 hộ dân ở phía trước từ nhiều năm nay (trước khi cấp GCNQSD đất) nên bà T đang yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân thành phố V giải quyết, bởi vì diện tích nương tuy nằm trong GCNQSD đất đã cấp cho bà, nhưng bà không được sử dụng mà hàng năm vẫn phải nộp thuế. Các hộ gia đình không đồng ý cho bà T có nghĩa vụ đối với diện tích đất làm nương này. Vì vậy, yêu cầu Tòa án có ý kiến với Ủy ban nhân dân để giải quyết cho bà T bởi bà T đã nộp thuế nhiều năm, Bà T đề nghị Tòa án giải quyết bảo đảm quyền lợi cho gia đình bà có diện tích đất 316m² như GCNQSD đất đã cấp và việc diện tích đất nương 8,3m² bà không được quyền sử dụng nhưng lại phải nộp tiền.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thống nhất trình bày: Ngày 20 tháng 01 năm 1986, vợ chồng ông M, bà D mua của ông Đặng Văn L1 một thửa đất có diện tích 200m². Khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy, có xác nhận của khối và phường. Trong đó, phía Đông Bắc giáp đất của ông Nguyễn Trọng Đ1 (Nay là gia đình bà T), phía Nam giáp đất của nhà ông L2, phía Tây giáp ruộng đồng Hưng Thủy. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông M đã làm nhà ở và sử dụng ổn định, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Đến năm 1996, ông Ngô Duy H mua lại đất của ông Đ1 và khoảng năm 1998, gia đình ông H chuyển nhượng cho gia đình bà T, ông P. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà T đã sử dụng ổn định và đến năm 2000, đã xây một dãy ốt cho sinh viên thuê ở phía đất sát với nhà ông M. Đến năm 2016, ông M có sửa ốt cho con trai là anh Nguyễn Quang V ở thì mái tôn nhà ông M có sang mái nhà bà T khoảng 30cm. Bà T yêu cầu ông M sửa và cắt tôn để đưa về vị trí ban đầu. Tháng 6 năm 2016, ông M dọn mặt bằng để xây nhà thì giữa ông M và bà T đã thống nhất với nhau nên ông M đã tháo đoạn bờ rào ra để trát lại tường cho bà T khỏi bị thấm nước. Quá trình thi công, bà T không có ý kiến gì, đến khi gia đình ông M xây móng đồ trụ xây tường cao 1,7 mét thì bà T lại gửi đơn lên Ủy ban nhân dân phường T yêu cầu giải quyết, vì cho rằng gia đình ông M lấn đất của bà T. Quá trình hòa giải, ông M mới được biết việc gia đình bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, nhưng diện tích đất gia đình bà T được cấp lại chồng lên diện tích đất của gia đình ông M. Và ông M cho rằng, việc xây dựng công trình đã kiên cố, nếu tranh chấp sẽ ảnh hưởng, nên ông M có trao đổi với gia đình bà T, vì tình làng nghĩa

xóm ông M trả cho gia đình bà T 05m² đất tương đương 25.000.000đ (5.000.000đ/m²) để gia đình ông xây nhà ở, nhưng bà T không có thiện chí.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông M, bà D trả lại diện tích đất lấn chiếm 05m²; ông M, bà D không đồng ý, ngược lại ông M yêu cầu Tòa án hủy quyết định cấp GCNQSD đất cũng như GCNQSD đất số AB 196582 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 23 tháng 12 năm 2004 mang tên Phùng Thế P, Phan Thị T, vì giấy chứng nhận này cấp không đúng, cấp chồng lấn lên diện tích đất gia đình ông M đang sử dụng. Các căn cứ ông yêu cầu hủy GCNQSD đất của bà T, ông P là:

- Tại hồ sơ cấp GCNQSD đất của bà T, tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới ghi chủ sử dụng là ông Ngô Duy H;

- Tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất và nhiều tài liệu khác không có chữ ký của chủ sử dụng đất là ông Phùng Thế P và bà Phan Thị T;

- Trong quá trình cấp GCNQSD đất của bà T đã không tiến hành niêm yết công khai theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và Quyết định số 102/2001/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Mặt khác, căn cứ kết quả đo đạc của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thì trong GCNQSD đất của bà T đã được cấp có 8,3m² đất là phần nương của 06 hộ dân ở phía trước nhà bà T. Bản thân bà T cũng thừa nhận việc này nên ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy GCNQSD đất đã cấp cho bà T. Đối với yêu cầu của bà T chờ giải quyết xong tranh chấp với 06 hộ dân thì sẽ thỏa thuận về diện tích 05m² thì ông M không đồng ý. Vợ chồng ông M, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết sớm để vợ chồng ông M xây nhà để ở vì hiện tại vợ chồng ông M không có nhà ở, phải đi ở nhà con.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang V trình bày: Anh V thống nhất với ý kiến, quan điểm của ông M, bà D (Bố mẹ anh V). Đất là của ông M, bà D hiện chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho anh V, nhưng tài sản trên đất (Móng, cột trụ bê tông) đang làm dở là của gia đình ông M, trong đó có anh nên anh V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện của UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An trình bày: Nguồn gốc thửa đất của gia đình bà Phan Thị T nhận chuyển nhượng của ông Ngô Duy H, tại thời điểm lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới với các thửa đất liền kề vào năm 1999 do ông H đang quản lý đất ký là đúng quy định. Việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng bà T, khi chuyển nhượng đất đã có giấy tờ và hồ sơ đúng quy định nên không nhất thiết phải niêm yết công khai. Trong hồ sơ kỹ thuật không có chữ ký của ông P, bà T là có thiết sót nhưng không ảnh hưởng đến việc cấp GCNQSD đất cho ông P, bà T. Mặt khác ông P, bà T được cấp GCNQSD đất năm 2004 và

sử dụng đất ổn định không có tranh chấp với các hộ liền kề. Năm 2016 mới có tranh chấp lần chiếm giữa bà T với ông M, bà D. Nay ông M, bà D yêu cầu hủy GCNQSD đất của UBND thành phố V cấp cho ông P, bà T, UBND thành phố V không đồng ý. Bởi vì, việc cấp đất đúng quy định của pháp luật về Đất đai. Tại phiên tòa đại diện UBND thành phố V xác định việc cấp Giấy CNQSD đất cho bà T năm 2004 không ban hành quyết định mà chỉ cấp GCNQSD đất.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 163, 166, 180, 181, 697, 698 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 98, Điều 166 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị D phải trả lại giá trị diện tích đất xây dựng chồng lấn 4,6 m² cho vợ chồng ông Phùng Thế P và bà Phan Thị T là 27.600.000 đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên hủy GCNQSD đất đã cấp cho bà T, ông P, tuyên lãi suất chậm thi hành án; giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2019 bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị D, có đơn kháng cáo cho rằng: Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M và bà D khẳng định ông và bà chỉ kháng cáo phần bản án sơ thẩm buộc ông và bà phải trả giá trị 4,6m² quyền sử dụng đất với số tiền 27.600.000đ cho bà T ông P, các nội dung khác ông và bà không kháng cáo. Bởi vì, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An tuyên phần này không có căn cứ pháp luật; cấp sơ thẩm đang căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSD đất cho bà T ông P không đúng để làm căn cứ cho rằng ông lấn đất của bà T là thiếu căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, đúng quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Vì vậy, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật; quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt; tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của bà T là yêu cầu ông M, bà D trả lại diện tích đất lấn chiếm nên xác định đây là tranh chấp quyền sử dụng đất vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; quá trình giải quyết vụ án, ông M có đơn phản tố yêu cầu hủy GCNQSD đất mà UBND thành phố V đã cấp cho bà T ông P, đây là quyết định cá biệt của UBND cấp huyện trong quản lý đất đai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, mặc dù Tòa án nhân dân thành phố V đã thụ lý, nhưng sau đó đã chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính và khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị D, thấy: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ, cũng như lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định: Thửa đất của bà T, ông P trước đây là của gia đình ông Nguyễn Trọng Đ1 và bà Nguyễn Thị B sử dụng. Năm 1996 ông Nguyễn Trọng Đ1 chuyển nhượng cho ông Ngô Duy H 217m², đến năm 1999 thì bà T, ông P nhận chuyển nhượng lại của ông Ngô Duy H (nguyên thừa) và gia đình bà T sử dụng làm nhà ở ổn định, đến ngày 23/12/2004 được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15, diện tích 316m², tại khối 7, phường Trung Đô, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Thửa đất của gia đình ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị D nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Đặng Văn L1 năm 1986 diện tích 200m², đo vẽ hồ sơ kỹ thuật năm 1999 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15, diện tích 227m², tại khối 7, phường T, thành phố V hiện chưa được cấp GCNQSD đất. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự thừa nhận; mặc dù hai gia đình nhận chuyển nhượng đất vào các thời điểm khác nhau, nhưng đều sử dụng ổn định, có ranh giới liền kề được xác định từ năm 1999 (Thời điểm gia đình bà T làm nhà ở trên Đất) và năm 2004 ông P, bà T được cấp GCNQSD đất các bên không có tranh chấp gì. Việc xảy ra tranh chấp bắt đầu từ tháng 6 năm 2016, khi ông M làm cho con trai là anh Nguyễn Quang V sát với nhà của ông P, bà T. Theo bà T, ông P, gia đình ông M đã lấn chiếm của gia đình bà diện tích đất

05m², nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà T yêu cầu ông M, bà D và anh V phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên diện đất và trả lại diện tích đất theo diện tích đã được xác định là 6,1m².

Căn cứ vào kết quả đo vẽ ngày 23/3/2018 của Văn phòng quản lý quyền sử dụng đất thành phố V thì gia đình ông M xây dựng công trình chôn lấn sang đất gia đình bà T có diện tích 05m². Tuy nhiên, sau khi có kết quả đo vẽ này, bà Phan Thị T không đồng ý nên đã yêu cầu cấp cao hơn tiến hành xác định lại diện tích tranh chấp. Do đó, Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất tỉnh Nghệ An đã tiến hành đo đạc lại; việc thống nhất xác định ranh giới, mốc giới và đo vẽ chi tiết các thửa đất, bà T và ông M trực tiếp tự xác định vị trí mốc giới đất của mình để làm căn cứ xác định ranh giới thửa đất. Kết quả vẽ ngày 13/3/2019 thể hiện, diện tích đất ông Nguyễn Văn M xác định (mốc ranh giới giữa 02 nhà do ông M chỉ) có phần diện tích nằm ngoài ranh giới theo bản đồ địa chính, chôn lấn lên thửa đất của gia đình bà T, ông P là 6,1m². Trong đó có 4,6 m² nằm trong GCNQSD đất, 1,5 m² không nằm trong GCNQSD đất đã cấp cho ông P bà T. Như vậy, có căn cứ xác định; quá trình sử dụng và xây dựng công trình trên đất, gia đình ông M, bà D có chôn lấn lên đất của gia đình bà T đã được cấp GCNQSD đất diện tích 4,6 m², nên việc bà T khởi kiện yêu cầu ông M, bà D phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là có căn cứ, nhưng chỉ chấp nhận đối với diện tích mà bà T ông P đã được cấp GCNQSD đất. Tuy nhiên, phần diện tích đất này gia đình ông M đã xây dựng công trình có kết cấu gắn liền bền vững, kiên cố nên nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá trị và kết cấu toàn bộ công trình. Hơn nữa, diện tích đất của gia đình bà T hiện đang sử dụng, thực tế có một phần diện tích tăng lên ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; một phần 8,3m² chôn lấn mương thoát nước của 06 hộ dân, trong đó có gia đình bà T (Hệ thống mương thoát nước đã hình thành trước khi gia đình bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Khi gia đình ông M tiến hành xây dựng công trình, tranh chấp xảy ra, ông M cũng đã có ý kiến trao đổi bù cho gia đình bà T 05m² là 25.000.000đ, để giữ tình làng nghĩa xóm. Do đó để tránh thiệt hại lớn về kinh tế cho gia đình ông M, cần giữ nguyên hiện trạng công trình của gia đình ông M và gia đình ông M phải trả cho gia đình bà T trị giá 4,6m² đất theo định giá 6.000.000đ/m² như bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện vụ án đảm bảo được quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị D. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham

dự phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Án phí: Kháng cáo của ông M và bà D không được chấp nhận nhưng ông và bà đều là người cao tuổi nên không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị D; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông M, bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm